

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI LĂNG  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 16/9/2024

*“V/v ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hoan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Quang Sỹ
- Ông Trần Quang Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đăng Chấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở trường Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2024/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXX - ST ngày 12/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐXX - ST ngày 29/8/2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Hiện ở tại: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**Bị đơn:** Anh Cáp T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2024, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/8/2024, chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C T có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thôn T, xã H, huyện H. Trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm, dẫn đến gia đình không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đòi

sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng nay không còn nên chị H xin được ly hôn với anh Cáp T.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung là cháu Cáp Hữu B, sinh ngày 13/10/2010 và cháu C Lê Phương A, sinh ngày 27/6/2017, do điều kiện chưa có nhà ở nên chị giao 02 cháu cho anh C T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng/cháu, kể từ tháng 10/2024 cho đến khi 02 cháu thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng anh C T không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H .

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, 35, 39, 97, 173, 195, 196, 203, 208, 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Cáp T.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Cáp Hữu B, sinh ngày 13/10/2010 và cháu C Lê Phương A, sinh ngày 27/6/2017 cho anh C T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng/cháu, kể từ tháng 10/2024 cho đến khi 02 cháu thành niên và có khả năng lao động

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện H, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa đúng trình tự thủ tục tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện ghi ngày 07/6/2024, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/8/2024 của chị Lê Thị H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Lê Thị H và anh C T có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên hiện nay không sống cùng với nhau, hai bên sống ly thân từ tháng 5/2024 cho đến nay. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 19/7/2024, Hội liên hiệp phụ nữ xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị cung cấp thông tin: Chị Lê Thị H và anh C T có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã H, huyện H. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, hiện nay hai bên sống ly thân, mỗi người ở mỗi nơi. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án anh C T không đến Tòa án để làm việc và không có ý kiến đối với việc yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H, điều đó thể hiện anh T không có thiện chí đoàn tụ gia đình.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh C T không đạt được, tình cảm vợ chồng nay không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Lê Thị H được ly hôn anh C T.

[4] Về nuôi con chung: Có 02 con chung là cháu Cáp Hữu B, sinh ngày 13/10/2010 và cháu C Lê Phương A, sinh ngày 27/6/2017.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại biên bản xác minh ngày 15/7/2024, hiện tại 02 cháu đang ở với anh T. Cháu B và cháu A cũng có nguyện vọng ở với ba, đang ở với anh T và học tại Trường T1, anh T có nhà ở ổn định, chị H cũng có nguyện vọng giao 02 cháu cho anh C T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện sinh hoạt và học tập cho các cháu; chị H cấp dưỡng nuôi con

2.000.000đồng/tháng/cháu, kể từ tháng 10/2024 cho đến khi cháu B, cháu A thành niên và có khả năng lao động.

Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu Cáp Hữu B, sinh ngày 13/10/2010 và cháu C Lê Phương A, sinh ngày 27/6/2017, cho anh C T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng/cháu, kể từ tháng 10/2024 cho đến khi cháu Cáp Hữu B và cháu C Lê Phương A thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với các quy định của pháp luật và đảm bảo điều kiện học tập, sinh hoạt cho các cháu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lê Thị H được ly hôn anh Cáp T.

- **Về nuôi con chung:** Giao cháu Cáp Hữu B, sinh ngày 13/10/2010 và cháu C Lê Phương A, sinh ngày 27/6/2017, cho anh C T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Lê Thị H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng/cháu, kể từ tháng 10/2024 cho đến khi cháu Cáp Hữu B và cháu C Lê Phương A thành niên và có khả năng lao động

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; tổng cộng 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số BLTU/2023/0000198 ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Chị Lê Thị H còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi*

*hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- Chi cục THADS huyện Hải Lăng;
- UBND xã Hải Hưng, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đức Hoan**